



Cấu trúc giả định

Phần 1 Giải thích ngữ pháp

Cấu trúc giả định được sử dụng trong hai trường hợp. Thứ nhất là dùng để diễn đạt ở phạm vi hiện thực, những sự việc có rất ít khả năng xảy ra hoặc thực hiện được; thứ hai là do yêu cầu đặc biệt của một số từ ngữ hoặc cách diễn đạt nào đó.

1. Cấu trúc giả định ở mệnh đề điều kiện

1) Diễn tả một hành động không có thật ở hiện tại

Cấu tạo cơ bản: if + chủ ngữ + thì quá khứ đơn, chủ ngữ + would (could, might, should) + động từ nguyên thể

If I could change something, I would really like to have fewer classes. (Cam 3, T4, S)

"If we applied the Russian training model to some of the outstanding runners we have in this country," Yessis asserts, "they would be breaking records left and right." (Cam 4, T4, R)

Ở cấu trúc giả định, **was** hoặc **were** có thể được dùng cho chủ ngữ số ít.

The popular conception of Amazonia and its native residents would be enormously consequential if it were true. (Cam 3, T3, R)

If it was (were) not for

If it were not for the dung beetle, chemical fertilizer and dung would be washed by rain into streams and rivers. (Cam 3, T2, R)

2) Diễn tả một hành động không có thật ở quá khứ

Cấu tạo cơ bản: if + chủ ngữ + thì quá khứ hoàn thành, chủ ngữ + would (could, might, should) + have + phân từ quá khứ

If electronic computers had not been invented, many problems on space flight could not have been solved.

If it had not been for

If it had not been for Margaret, I might not have understood.

If it had not been for your help, we would not have achieved so much in our work.

3) Diễn tả một hành động không có thật ở tương lai

Cấu tạo cơ bản: if + chủ ngữ + should (were to) + động từ nguyên thể, chủ ngữ + would (could, might, should) + động từ nguyên thể

If we should miss the train, we would have to wait an hour at the station.

If the sun were to rise in the west tomorrow, I would marry you.

If we were to do it again, we'd probably hire donkeys along the way. (Cam 2, T1, L)

4) Cấu trúc giả định lược bỏ mệnh đề điều kiện

Đôi khi cấu trúc giả định lược bỏ mệnh đề điều kiện, nhưng dùng từ hoặc cụm từ để thay thế hoặc thể hiện qua logic của đoạn văn.

Without the beetles to dispose of the dung, cow pats would litter pastures making grass inedible to cattle and depriving the soil of sunlight.

Without the greenhouse effect, the earth's average surface temperature would be 33-35 degrees C lower, or -15 degrees C.

Detailed guides to 15 scenic car tours will take you onto fascinating wilderness tracks and along routes that you could otherwise have missed. (Cam 5, G, TA, R)

I would have answered your letter earlier, but there just wasn't time.

Though the project cost A\$1.6 million, the alternative — re-cladding the entire building — would have cost ten times as much. (Cam 5, T4, R)

5) Cấu trúc giả định có thời gian đan xen với nhau

Cấu trúc này có tên gọi như vậy là do tình huống trong mệnh đề điều kiện và tình huống trong mệnh đề chính không đồng bộ về thời gian.

(1) **Cấu tạo 1:** if + chủ ngữ + had + phân từ quá khứ, chủ ngữ + would (could, might, should) + động từ nguyên thể

Do you think the event would be just as memorable if you hadn't won? (Cam 3, T3, S)

If the trends apparent in the United States 14 years ago had continued, researchers calculate there would be an additional one million disabled elderly people in today's population. (Cam 6, T2, R)

(2) **Cấu tạo 2:** if + chủ ngữ + had + phân từ quá khứ, chủ ngữ + would (could, might, should) + be + V-ing

If it hadn't been for the doctor's care, I should not be speaking to you now.

If I hadn't stood under the ladder to catch you when you fell, you wouldn't be smiling now.

(3) **Cấu tạo 3:** if + chủ ngữ + had + been + V-ing, chủ ngữ + would (could, might, should) + be + V-ing

If we hadn't been working hard in the past few years, things wouldn't be going so smoothly.

2. Cách diễn đạt lịch sự

Khi yêu cầu người nghe thực hiện một việc gì, để cách diễn đạt được lịch sự, tránh sự cứng nhắc, người ta thường dùng cấu trúc giả định như ở các ví dụ sau.

Would you like to fill in the application form now? (Cam 2, T1, L)

Could you tell me your date of birth please? (Cam 2, T1, L)

Could I just ask you a few questions for a survey we're conducting? (Cam 2, T1, L)

The new house is a bit smaller so I have to sell some furniture and I was wondering if you might be interested. (Cam 4, G, TB, W)

3. Cấu trúc giả định ở mệnh đề trạng từ chỉ điều kiện, sự nhượng bộ

1) Cấu trúc giả định ở mệnh đề trạng từ chỉ điều kiện

If the planet be close to the sun, its speed increases.

If any vehicle be found parked on these premises without written permission, it shall be towed away at the expense of the vehicle's owner.

Nor is it only the ignorant and ill-educated person who has such faith in the bottle of medicine, especially if it be wrapped in white paper and sealed with a dab of red sealing-wax by a clever chemist.

2) Cấu trúc giả định ở mệnh đề trạng từ chỉ sự nhượng bộ

Whatever be the reason for their action, we cannot tolerate such disloyalty.

Whether it be to improve your verbal or social skills, the society provides both. (Cam 3, G, TB, R)

4. Cấu trúc giả định ở mệnh đề It is time ...

Cấu tạo cơ bản: It is (about) time (that) chủ ngữ + thì quá khứ đơn

It's time that you studied the problem carefully.

It's about time we started working out details. (Cam 4, T4, L)

5. Cấu trúc giả định ở mệnh đề wish

Mệnh đề đi với wish diễn tả những mong ước ở quá khứ, hiện tại và tương lai.

1) Mong ước ở quá khứ

Cấu tạo cơ bản: Chủ ngữ + wish + chủ ngữ + had + phân từ quá khứ

How I wish I had done a better job in the final examination!

I wish I had gone to Stockholm when I was in Sweden. I hear it's a beautiful city.

2) Mong ước ở hiện tại

Cấu tạo cơ bản: Chủ ngữ + wish + chủ ngữ + thì quá khứ đơn

I wish I didn't have to work for a living.

3) Mong ước ở tương lai

Cấu tạo cơ bản: Chủ ngữ + wish + chủ ngữ + would (could, might, should) + động từ nguyên thể

He wished that you would stay a little longer.

Mrs. Brown wishes her son would become a lawyer.

6. Cấu trúc giả định ở mệnh đề if only

if only diễn tả mong ước mãnh liệt, thường mang tính cảm thán với cách dùng và cấu tạo hoàn toàn giống với mệnh đề wish.

1) Mong ước ở quá khứ

If only he had taken my advice years ago.

2) Mong ước ở hiện tại

If only we had a phone! I'm tired of waiting outside the public phone box.

3) Mong ước ở tương lai

If only the committee would approve the regulations and put them into effect as soon as possible.

7. Cấu trúc giả định sau các mệnh đề would rather, would sooner, would as soon

1) Ở quá khứ

I would just as soon he had passed the interview.

2) Ở hiện tại

To be frank, I'd rather you were not involved in the case.

3) Ở tương lai

I would sooner she painted the wall green next time.

8. Cấu trúc giả định ở các mệnh đề *lest*, *in case*, *for fear that*

Cấu tạo cơ bản: *lest*, *in case*, *for fear that* + chủ ngữ + (should) + động từ nguyên thể

Lưu ý là mệnh đề đi sau các (cụm) từ này có thể có cấu trúc giả định hoặc có cấu trúc câu bình thường.

We hurried back to school *lest* it should rain.

He put his overcoat over him *for fear that* he should catch cold.

9. Cấu trúc giả định sau các động từ có khuynh hướng chủ quan

Mệnh đề đi với các động từ có khuynh hướng chủ quan như đề nghị, yêu cầu, ra lệnh, v.v. thường có cấu trúc giả định.

Những động từ có khuynh hướng chủ quan thường gặp:

advise, advocate, arrange, ask, beg, command, decide, decree, demand, desire, direct, insist, instruct, intend, maintain, move, order, prefer, prescribe, propose, recommend, request, require, resolve, suggest, urge

1) Mệnh đề túc từ

What would you suggest a visitor should see and do in your country? (Cam 3, T3, S)

Just at the time when it became obvious that health-care resources could not possibly meet the demands being made upon them, people were demanding that their fundamental right to health care be satisfied by the state. (Cam 4, T4, R)

2) Mệnh đề chủ ngữ

It was ordered that the medicine be sent here by plane.

It is suggested that the meeting be held at some other time.

10. Cấu trúc giả định ở mệnh đề đi với danh từ chỉ mong muốn chủ quan

Những danh từ chỉ mong muốn chủ quan thường gặp:

advice, agreement, arrangement, command, demand, desire, direction, importance, insistence, instruction, intention, motion, order, preference, prescription, proposal, recommendation, request, requirement, resolution, suggestion, urge

1) Mệnh đề chủ ngữ

It is of the utmost importance that you be here on time.

It was my proposal that new legislation should be drafted.

2) Mệnh đề đồng vị

I am in favor of his proposal that a special committee be set up to examine the problem.

The results of the study lend support to the World Bank's recommendation that education budgets in developing countries should be increased, not just to help their economies, but also to improve child health. (Cam 6, T4, R)

3) Mệnh đề bổ ngữ

My suggestion is that we should send a trade delegation to Malaysia.

Their demand is that their wages be increased by 20%.

11. Cấu trúc giả định ở mệnh đề đi với tính từ chỉ mong muốn chủ quan

Những tính từ chỉ mong muốn chủ quan thường gặp:

absurd, advisable, amazing, compulsory, crucial, desirable, essential, expedient, fitting, imperative, important, incredible, inevitable, insistent, mandatory, necessary, obligatory, odd, preferable, shocking, strange, surprising, unthinkable, urgent, vital

1) Mệnh đề chủ ngữ

It is essential that the glass be thicker on the outside than on the inside and that the gap between the panes of glass be a minimum of 7 centimeters. (Cam 3, T4, L)

It is important that you keep a record of your card's account number and sign your name or write your student ID number on the card. (Cam 4, G, TB, R)

It is highly appropriate that Dr Samuel Johnson, the very model of an eighteenth-century literary man, as famous in his own time as in ours, should have published his Dictionary at the very beginning of the heyday of the middle class. (Cam 5, T1, R)

2) Mệnh đề túc từ

I don't think it advisable that Tim be assigned to the job since he has no experience.

Phần 2 Thực hành ngữ pháp

1. Tìm lỗi sai trong số những phần được gạch dưới ở các câu sau và sửa lại cho đúng.

1. If the visitor had limited time, I would suggest that he spent time in only two or three major centers. (Cam 3, T3, S)
- A B C D

2. What if someone could create a pill that had mimicked the physiological effects of eating less
 without actually forcing people to eat less? Could such a “caloric-restriction mimetic”, as we call
it, enable people to stay healthy longer, postponing age-related disorders until very late in life?
 (Cam 6, T3, R)
3. We suggest that you must try to see the same doctor whenever possible because it is helpful for
 both you and your doctor to know each other well. (Cam 6, G, TA, R)
4. Lest there was any doubt about the stakes involved, Trelease makes a bold claim.
5. “If the function of play had been to get into shape,” says Byers, “the optimum time for playing
would depend on when it was most advantageous for the young of a particular species to do so.
 But it doesn't work like that.” (Cam 4, T2, R)
6. These aids were indispensable to very early people who would find the process impossible
 without some form of mechanical aid. Such aids, while different, are still used even by the most
 educated in today's society due to their convenience. (Cam 6, T2, R)
7. Now a long-term study carried out in Nicaragua has eliminated these factors by showing that
 teaching reading to poor adult women, who will otherwise have remained illiterate, has a direct
 effect on their children's health and survival. (Cam 6, T4, R)
8. “We've known for a long time that maternal education is important,” says John Cleland of the
 London School of Hygiene and Tropical Medicine. “But we thought that even if we had started
 educating girls today, we'd have to wait a generation for the payoff. The Nicaraguan study suggests
 we may be able to bypass that.” (Cam 6, T4, R)
9. It had been possible to leave this mud below the reclaimed land, and to deal with the resulting
 settlement by the Kansai method. But the consortium that won the contract for the island opted for
 a more aggressive approach. (Cam 2, T1, R)

1. He is working hard for fear that he _____ (fail) to pass the exam.
2. Henry would be a rich man today if he _____ (be) more frugal in the past.
3. Supposing this ship was sinking, do you think there _____ (be) enough life jackets for all the passengers?
4. The management urged that the cost of production _____ (be) reduced.
5. He told me how he had given me shelter and protection, without which I _____ (die) of hunger and cold.
6. A scientist suggested that dung beetles _____ (introduce) to Australia to control dung-breeding flies. (Cam 3, T2, R)
7. I don't know that much about traditional arts and music, but I would recommend that visitors _____ (see) a Peking opera, at least once. (Cam 3, T3, S)

8. University classes are so busy and require the students to memorize so much that if I _____ (study) less, my grades would drop. (Cam 3, T4, S)
9. We do feel that it is important that the ultimate beneficiaries of the facilities _____ (have) some say in its design. (Cam 4, T3, L)
10. That _____ (matter) less if people applied the same degree of skepticism to environmental lobbying as they do to lobby groups in other fields. (Cam 5, T1, R)
11. I mean, to put it another way, if you _____ (have) to do it all over again, is there anything you'd do differently? (Cam 5, T2, L)
12. One or two of you asked me earlier about your level of spoken English. Obviously most of you have already achieved a lot — I wish I _____ (can) speak your language half as well. (Cam 5, T3, L)
13. He was very wealthy, and he managed to protect them — otherwise they _____ (probably die) out completely. (Cam 6, T4, L)
14. If the world's zoos worked together in cooperative breeding programs, then even without further expansion they _____ (can) save around 2,000 species of endangered land vertebrates. (Cam 1, T1, R)
15. The Royal Ordinance decreed that there _____ (be) a legion formed of foreigners for service outside France.
16. In the first place any scientific study requires that there _____ (be) no preferential weighting of one or another of the items in the series it selects for its consideration.
17. Twenty or thirty pages of information handed to any of the major world powers around the year 1925 _____ (be) sufficient to change the course of world history.
18. Even though the noble was expected to read the letter at each performance, he always insisted that it _____ (write) out in full.

3. Dịch các câu sau sang tiếng Việt.

1. It was important for the sake of the experiment that the procedure be followed through to the end. (Cam 5, T1, R)
2. Whether it be bird, fish or beast, the porpoise is intrigued with anything that is alive.
3. If our educational system were fashioned after its bookless past, we would have the most democratic form of "college" imaginable.
4. If we could stay as vigorous as we are at twelve, it would take about 700 years for half of us to die, and another 700 for the survivors to be reduced by half again.

5. If a space probe today sent back evidence that such a world existed, it would cause not much more sensation than Sir William Herschel's discovery of a new planet, Uranus, in 1781.
6. This is very much like the combination of forces that are set into motion when you whirl a ball on the end of a piece of string. If the string should break, the ball would fly away from your hand.
7. The crew's deaths would have been less likely in peacetime because the crew could have radioed their position.
8. I am sure that, without modern weapons, I would make a very poor show of disputing the ownership of a cave with a bear.
9. The insects would devour all our crops and kill our flocks and herds, if it were not for the protection we get from insect-eating animals.
10. If parents were prepared for this adolescent reaction, and realized that it was a sign that the child was growing up and developing valuable powers of observation and independent judgment, they would not be so hurt, and therefore would not drive the child into opposition by resenting and resisting it.
11. I am always amazed when I hear people saying that sport creates goodwill between the nations, and that if only the common peoples of the world could meet one another at football or cricket, they would have no inclination to meet on the battlefield.
12. Many firms have great difficulty in obtaining technical or scientific books from libraries because they are unwilling to have their names entered as having taken out such and such a book for fear the agents of other firms should be able to trace the kind of research they are likely to be undertaking.

4. Dịch các câu sau sang tiếng Anh.

1. Nền văn minh sẽ như thế nào nếu không có các phúc lợi từ giáo dục?
2. Nếu một ngày nào đó cây xanh biến mất, sẽ khó có thể tồn tại sự sống trên Trái đất.
3. Nếu chúng ta khởi hành sớm hơn, chúng ta sẽ không phải đi dưới mưa.
4. Đã đến lúc chúng ta thực hiện những biện pháp kiên quyết để bảo vệ môi trường của chúng ta.

5. Nếu bạn không gây ra tiếng ồn đó, họ sẽ không bao giờ biết chúng ta có mặt ở đây.
6. Chánh án chấp thuận đề xuất rằng tù nhân đó phải bị kết án tử hình.
7. Điều quan trọng là phải kiếm đủ tiền để tài trợ cho dự án đó.
8. Nếu các gia đình dạy dỗ con cái quan tâm đến người khác và trở thành những cá nhân có trách nhiệm với xã hội thì toàn bộ cộng đồng sẽ hưởng lợi. (Cam 4, T4, W)
9. Không có điều nào trong số này sẽ xảy ra nếu không có công nghệ.
10. Nếu đàn ông và phụ nữ được trao cơ hội bằng nhau để tự phát triển và đóng góp cho xã hội thì sẽ có ít sự phân biệt giới tính hơn. (Cam 5, T1, W)
11. Sẽ tốt hơn nếu tôi có thể theo một khóa học mà không phải lấy đi quá nhiều thời gian làm việc. (Cam 5, T1, L)
12. Tôi tự hỏi không biết tôi có thể vào thư viện được không. (Cam 5, T2, L)
13. Bạn chỉ cần đi vào một ngân hàng khi máy tính chính của họ bị hỏng để hiểu được sự hỗn loạn xảy ra nếu đột nhiên máy tính bị loại bỏ trên toàn cầu. (Cam 1, G, W)
14. Rốt cuộc thì tất cả sinh vật đều sống bằng cách ăn một sinh vật khác, cho dù đó là thực vật hay động vật, đã chết hay còn sống.